

There are no translations available.

(Dân trř) - Tŕng cđ ng qu n lý vi c d y thêm, h c thêm theo hđ ng tích c c ố u tđ cS s v t ch t, t ch c d y h c trên 6 bu i/tu n (2 bu i/ngày). Công khai hóa các ố u kì n, thu chi, th c hi n trř t ố vi c phân hoá h c sinh theo nhóm h c l c khi h c thêm trong nhà trđ ng.

Đây là mđ t trong nhđ ng biđ n pháp cđ a Bđ GD-ĐT nhđ m tiđ p tđ c tăng cđ đ ng công tác quđ n lý dđ y thêm, hđ c thêm trong thđ i gian tđ i. Bđ GD-ĐT cũng cho biđ t, ngoài biđ n pháp trên, ngành GD sđ tiđ p tđ c tăng cđ đ ng công tác tuyên truyđ n, tđ o sđ đđ ng thuđ n trong nhân dân và phđ huynh hđ c sinh vđ các chđ trđ đ ng cđ a ngành vđ quđ n lý dđ y thêm, hđ c thêm.

Tiđ p tđ c rà soát, giđ m tđ i chđ đ ng trình, cđ i tiđ n các công tác thi, kiđ m tra, đánh giá. Tđ chđ c kiđ m tra theo đđ chung cho tđ ng khđ i lđ p; tđ chđ c chđ m chéo bài kiđ m tra đđ đđ m bđ o sđ công bđ ng trong đánh giá hđ c sinh. Thđ c hiđ n đđ i mđ i phđ đ ng pháp dđ y hđ c, đđ i mđ i kiđ m tra đánh giá theo chuđ n kiđ n thđ c, kđ năng. Bên cđ nh đđ, tăng cđ đ ng vai trò cđ a giáo viên chđ nhiđ m, các đoàn thđ trong nhà trđ đ ng, cha mđ hđ c sinh; tăng cđ đ ng sđ phđ i hđ p giđ a các cđ quan chđ c năng cđ a chính quyđ n vđ ngành GD đđ quđ n lý dđ y thêm, hđ c thêm. Tiđ p tđ c nghiđ n cđ u, đđ xuđ t cđ i thiđ n chđ đđ đđ i vđ i giáo viên

Theo đánh giá cđ a Bđ GD-ĐT, bđ n chđ t cđ a viđ c dđ y thêm, hđ c thêm là tđ t nđ u nhđ nó xuđ t phát tđ nhu cđ u hoàn thiđ n, bđ sung kiđ n thđ c cđ a ngđ đ i hđ c và đđ ng cđ không vđ lđ i cđ a ngđ đ i dđ y. Có nhiđ u hđ c sinh tiđ n bđ rõ rđ t trong hđ c tđ p nhđ dđ y thêm, hđ c thêm. Song hiđ n nay do công tác quđ n lý cđ a mđ t sđ cđ sđ GD, mđ t sđ phòng GD-ĐT và sđ GD-ĐT còn lđ ng lđ o; mđ t sđ giáo viên còn có tđ tđ đ ng vđ lđ i nên mđ t sđ nđ i xuđ t hiđ n tình trđ ng dđ y thêm, hđ c thêm tràn lan đđ gây bđ c xúc đđ i vđ i xã hđ i, khiđ n đđ luđ n lên tiđ ng nhiđ u.

Đđ c biđ t, tđ i hđ u hđ t các tđ nh, thành phđ trên cđ nđ đđ đđ u đđ n ra viđ c dđ y thêm, hđ c thêm vđ i các mđ c đích, hình thđ c, mđ c đđ và qui mô khác nhau. Các trđ đ ng THCS, THPT tđ chđ c dđ y thêm, hđ c thêm đđ u cđ bđ n xuđ t phát theo nhu cđ u cđ a hđ c sinh và cha mđ hđ c sinh nhđ m: Cđ ng cđ kiđ n thđ c, kđ năng cho hđ c sinh; Phđ đđ o hđ c sinh có hđ c lđ c yđ u kém; Bđ i đđ đ ng hđ c sinh khá giđ i; Ôn tđ p đđ thi vào các trđ đ ng đđ i hđ c, cao đđ ng.

Ngoài mđ c đích nâng cao kiđ n thđ c, cũng có nhđ ng cha mđ hđ c sinh muđ n kđ t hđ p vđ i viđ c nhđ thđ y cô giáo dđ y thêm quđ n lý con cái hđ trong nhđ ng lúc hđ bđ n công viđ c. đ rđ t nhiđ u tđ nh khu vđ c nông thôn, miđ n núi, vùng sâu, vùng xa, các nhà trđ đ ng và giáo viên dđ y thêm không thu tiđ n cđ a hđ c sinh; có nđ i còn hđ trđ cho hđ c sinh vđ sách bút và các đđ u kiđ n khác đđ các em hđ c tđ p tđ t hđ n.

Tuy nhiên tr n c  tình tr ng “bi n t n ng” trong v n   d y thêm, t i h i ngh  giao ban l n th  nh t năm h c 2010-2011, m t s  S  GD-ĐT       ngh  B  GD-ĐT s    i Quy t   nh v  qu n l y d y thêm - h c thêm; không cho t  ch c d y thêm    ngoài nh  tr n ng và d y thêm cho h c sinh chính khóa c  a mình v  các h n t n ng tiêu c c c  a d y thêm - h c thêm   u xu t phát t    y, trong khi hi n nay ch ng ta ch  a th  ki m tra, qu n l y ch t ch   và th c ch t    c.

N.H